



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Duy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Lê Quốc Kỳ Quang	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/12/2021
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Vương Quang Hưng	Thành viên	
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/12/2021
Bà Vũ Lã Ngọc Hân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/12/2021
Ông Trần Hoàng Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/04/2021
		Miễn nhiệm ngày 22/12/2021
Ông Trần Công Vinh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Huy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Phạm Duy	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 23/12/2021
Ông Đỗ Tuấn Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Mai	Thành viên
Ông Hồ Phú Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Huy

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022



Số: 310322-003 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này tại ngày 10 tháng 08 năm 2020 và ngày 22 tháng 03 năm 2021.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đào Trung Thành
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4700-2019-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.201.623.242.485	17.916.883.834
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	89.467.050.819	3.158.680.390
111	1. Tiền		88.967.050.819	3.158.680.390
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	295.787.671.234	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		295.787.671.234	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		680.214.905.934	13.363.704.585
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	19.811.321.204	666.909.469
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	315.793.376.646	107.500.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	322.600.000.000	12.605.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	22.010.208.084	20.914.851
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(99.176.443)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	62.556.708
140	IV. Hàng tồn kho	11	1.044.001.513	1.163.473.648
141	1. Hàng tồn kho		1.208.271.329	1.233.265.084
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(164.269.816)	(69.791.436)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		135.109.612.985	231.025.211
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	166.469.062	190.967.196
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		134.870.418.007	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	72.725.916	40.058.015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.237.384.562.207	2.816.142.229
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		535.000.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	535.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		6.218.068.946	2.090.361.073
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.551.823.946	1.481.221.073
222	- Nguyên giá		29.676.929.926	25.174.128.653
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.125.105.980)	(23.692.907.580)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	666.245.000	609.140.000
228	- Nguyên giá		736.040.000	609.140.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.795.000)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	3.681.114.759.558	-
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		3.063.496.216.712	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		617.618.542.846	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	1.123.739.000	606.896.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.123.855.592	685.372.905
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(116.592)	(78.476.105)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.927.994.703	118.884.356
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.118.140.437	118.884.356
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	809.854.266	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.439.007.804.692	20.733.026.063

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.103.813.825.061	952.789.490
310	I. Nợ ngắn hạn		349.099.381.520	952.789.490
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	50.689.104.248	450.176.064
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.740.877.293	26.371.977
314	3. Phải trả người lao động		1.252.172.722	392.401.705
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	88.673.607.897	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	201.793.619.360	83.839.744
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	950.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		2.754.714.443.541	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	385.000.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	2.039.622.128.814	-
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	330.092.314.727	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.335.193.979.631	19.780.236.573
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.335.193.979.631	19.780.236.573
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		918.049.800.000	18.049.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		918.049.800.000	18.049.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.686.327.380	(60.093.500)
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(914.353.746)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		1.914.347.993	1.914.347.993
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		56.485.041.154	790.535.826
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		790.535.826	625.978.112
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		55.694.505.328	164.557.714
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.357.058.463.104	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.439.007.804.692	20.733.026.063



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng






Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	23.819.833.667	7.965.382.571
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		23.819.833.667	7.965.382.571
11	4. Giá vốn hàng bán	23	7.670.585.440	7.106.833.243
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.149.248.227	858.549.328
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	19.473.602.853	1.136.198.761
22	7. Chi phí tài chính	25	27.798.654.500	31.656.643
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		27.612.473.390	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	26	19.668.182	19.108.182
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	6.572.625.360	1.785.320.846
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.231.903.038	158.662.418
31	12. Thu nhập khác	28	56.326.514.477	52.224.294
32	13. Chi phí khác	29	131.757.183	13.661.097
40	14. Lợi nhuận khác		56.194.757.294	38.563.197
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.426.660.332	197.225.615
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	2.561.317.485	32.667.901
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(809.854.266)	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>55.675.197.113</u>	<u>164.557.714</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		55.694.505.328	164.557.714
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(19.308.215)	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	613	100
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	613	2



Mai Thị Thúy Kiều
Người lập



Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 Năm 2021
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		57.426.660.332	197.225.615
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		(55.104.218.377)	526.995.170
03	- Các khoản dự phòng		29.400.827	114.121.279
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(19.263.583.592)	-
06	- Chi phí lãi vay		27.612.473.390	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.700.732.580	838.342.064
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(323.497.424.210)	1.098.573.158
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(491.620.282.641)	(90.849.929)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		172.320.283.049	376.694.627
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.267.950.477)	(18.755.290)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(295.787.671.234)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.332.725.460)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(390.346.946)	(3.340.805)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(943.875.385.339)	2.200.663.825
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.247.055.017)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		272.727.273	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(460.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		445.505.000.000	500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(468.469.385.423)	(247.650.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.017.840.000	150.510.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.558.211.843	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(471.362.661.324)	402.860.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		902.660.774.626	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		621.098.142.466	-
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(22.212.500.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.501.546.417.092	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		86.308.370.429	2.603.523.825
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.158.680.390	555.156.565
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	<u>89.467.050.819</u>	<u>3.158.680.390</u>

Mai Thị Thúy Kiều
Người lập

Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa Hòa Phát được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400459486 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 12 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 918.049.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 918.049.800.000 đồng; tương đương 91.804.980 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 43 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 54 người).

Tổng số nhân viên của các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 63 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 28 người).

Lĩnh vực kinh doanh

In ấn sách và ấn phẩm. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- In ấn: In sách giáo khoa, sách báo tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các loại giấy tờ quản lý kinh tế xã hội;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu: Sản xuất các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Bán buôn kinh doanh khác chưa được phân vào đâu: bán buôn các loại sản phẩm giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm, bán buôn vật tư thiết bị ngành in, bán buôn thiết bị, dụng cụ giáo dục, nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hoạt động xuất bản khác: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành lịch, sách, báo, tạp chí và các ấn phẩm khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: bán buôn sách;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất; Quảng cáo; Điều hành tour du lịch; Vệ sinh nhà cửa và công trình khác; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã thực hiện hợp nhất hai Công ty con là Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer và Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát. Thu nhập lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ hợp nhất Công ty Hưng Vượng Developer là 55,95 tỷ VND, do đó đã làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay tăng 55,51 tỷ VND so với năm trước.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2021 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	62,75%	62,75%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.
Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát ⁽²⁾	Thành phố Đà Nẵng	52,00%	52,00%	In ấn, phát hành sách
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt ⁽³⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	38,84%	61,90%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.
Công ty TNHH Hưng Vượng AMC ⁽⁴⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	50,07%	99,00%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.
Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality ⁽⁵⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	43,77%	99,00%	Kinh doanh bất động sản, thương mại, dịch vụ.

(1) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 18,049 tỷ VND lên 918,049 tỷ VND để đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer ("Hưng Vượng") với mục đích mở rộng ngành nghề kinh doanh sang đầu tư kinh doanh bất động sản. Theo đó Công ty đã mua lại 62,75% cổ phần của Hưng Vượng với giá mua là 902,020 tỷ VND (số vốn điều lệ tại thời điểm mua của Hưng Vượng là 1.208 tỷ VND). Tại ngày 11/01/2021, Hưng Vượng chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 62,75%.

(2) Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1404/2021/NQ-HDQT ngày 14 tháng 04 năm 2021, Công ty đã mua lại 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát với giá mua là 520 triệu VND. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực in ấn với số vốn điều lệ tại thời điểm mua là 1 tỷ VND. Tại ngày 15/04/2021, Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát chính thức trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 52,00%.

(3) Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ biểu quyết gián tiếp là 61,9%. Tỷ lệ lợi ích gián tiếp là 38,84%.

(4) Công ty TNHH Hưng Vượng AMC là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer tại công ty này lần lượt là 79,8% và 99%. Dẫn đến tỷ lệ lợi ích gián tiếp và biểu quyết gián tiếp tại công ty này lần lượt là 50,07% và 99%.

(5) Công ty TNHH Hưng Vượng Hospitality là công ty con gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là công ty con mà Công ty nắm giữ 62,75% quyền biểu quyết). Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer tại công ty này lần lượt là 69,76% và 99%. Dẫn đến tỷ lệ lợi ích gián tiếp và biểu quyết gián tiếp tại công ty này lần lượt là 43,77% và 99%.

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn: xem chi tiết tại Thuyết minh số 3

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Hợp nhất kinh doanh và lãi từ giao dịch mua giá rẻ

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lãi từ giao dịch mua giá rẻ là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh”.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế của Dự án bao gồm các chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp mặt bằng, chi phí hoàn thiện cơ sở hạ tầng, ... và các chi phí khác liên quan đến dự án.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 17 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không tính khấu hao
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.12 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Đối với BCC chia lợi nhuận sau thuế

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, sau khi dự án đi vào hoạt động, hàng năm sẽ quyết toán lãi, lỗ từ hoạt động hợp tác và Công ty được nhận khoản lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ của giá trị vốn góp.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí môi giới sẽ được phân bổ khi dự án chính thức mở bán và đi vào hoạt động, thời gian phân bổ dự kiến từ 24 đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 8 đến 36 tháng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả về tiền lãi vay, lãi, trái phiếu phát hành... là các chi phí đã thực tế phát sinh trong năm nhưng chưa thực hiện chi trả, được ghi nhận vốn hóa vào giá trị dự án công trình và chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động kinh doanh chính trong lĩnh vực in ấn sách giáo khoa và đầu tư xây dựng dự án khu du lịch sinh thái. Trong năm 2021, Công ty chỉ phát sinh doanh thu từ hoạt động in ấn, phát hành sách và chưa phát sinh doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, các hoạt động kinh doanh chính của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

30
3N
3F
II
GI
A
17/12/2021

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

3.1 . Mua Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer

Vào tháng 01/2021, Tập đoàn đã mua 62,75% cổ phần của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer, một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316243062 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2020 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer là kinh doanh bất động sản. Tập đoàn mua cho mục đích mở rộng kinh doanh.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer vào ngày hợp nhất kinh doanh căn cứ chứng thư thẩm định tại thời điểm nắm quyền kiểm soát, lãi từ giao dịch mua giá rẻ phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

<u>Diễn giải</u>	<u>Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u> VND	<u>Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý</u> VND	<u>Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát</u> VND
Tài sản ngắn hạn	903.107.308.078	-	903.107.308.078
Tiền và các khoản tương đương tiền	436.829.019.577	-	436.829.019.577
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	295.500.000.000	-	295.500.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	53.126.998.422	-	53.126.998.422
Phải thu ngắn hạn khác	18.218.215.650	-	18.218.215.650
Chi phí trả trước ngắn hạn	8.744.001	-	8.744.001
Thuế GTGT được khấu trừ	99.424.330.428	-	99.424.330.428
Tài sản dài hạn	3.305.286.542.694	388.866.757.880	3.694.153.300.574
Các khoản phải thu dài hạn	530.000.000.000	-	530.000.000.000
Tài sản cố định	5.001.380.399	-	5.001.380.399
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	2.160.022.696.088	388.866.757.880	2.548.889.453.968
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	609.514.402.738	-	609.514.402.738
Chi phí trả trước dài hạn	748.063.469	-	748.063.469
Cộng tài sản	4.208.393.850.772	388.866.757.880	4.597.260.608.652
Nợ ngắn hạn	152.372.922.611	-	152.372.922.611
Phải trả người bán ngắn hạn	51.117.651.869	-	51.117.651.869
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.755.646.889	-	1.755.646.889
Phải trả người lao động	276.070.437	-	276.070.437
Chi phí phải trả ngắn hạn	69.148.730.316	-	69.148.730.316
Phải trả ngắn hạn khác	28.574.823.100	-	28.574.823.100
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Nợ dài hạn	2.840.424.491.729	77.773.351.576	2.918.197.843.305
Phải trả dài hạn khác	385.000.000.000	-	385.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.417.225.000.000	-	1.417.225.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	252.318.963.151	77.773.351.576	330.092.314.727
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	785.880.528.578	-	785.880.528.578
Cộng nợ phải trả	2.992.797.414.340	77.773.351.576	3.070.570.765.916
Tổng giá trị tài sản thuần	1.215.596.436.432		1.526.689.842.736
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			568.717.242.741
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			957.972.599.995
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			902.020.000.000
<i>Trong đó: Giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt quyền kiểm soát</i>			<i>902.020.000.000</i>
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ			(55.952.599.995)

3.2 . Mua Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát

Vào tháng 04/2021, Tập đoàn đã mua 52,00% cổ phần của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát, một Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0402082820 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát là kinh doanh trong lĩnh vực in ấn. Việc hợp nhất kinh doanh của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát không phát sinh Lợi thế thương mại hay Lãi từ giao dịch mua giá rẻ.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần In sách Hòa Phát vào ngày hợp nhất kinh doanh như sau:

Diễn giải	Giá trị ghi sổ tại	Các điều chỉnh theo	Giá trị hợp lý tại
	thời điểm đạt được quyền kiểm soát		thời điểm đạt được quyền kiểm soát
	VND	giá trị hợp lý	VND
Tài sản ngắn hạn	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Tài sản dài hạn	-	-	-
Cộng tài sản	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>
Nợ ngắn hạn	-	-	-
Nợ dài hạn	-	-	-
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tổng giá trị tài sản thuần	<u>1.000.000.000</u>		<u>1.000.000.000</u>
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			480.000.000
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn			<u>520.000.000</u>
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			<u>520.000.000</u>
<i>Trong đó: Giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt quyền kiểm soát</i>			520.000.000
Lợi thế thương mại/Lãi từ giao dịch mua giá rẻ			<u>-</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	2.837.467.013	6.864.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	86.129.583.806	3.151.815.867
Các khoản tương đương tiền (*)	500.000.000	-
	<u>89.467.050.819</u>	<u>3.158.680.390</u>

(*) Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng, được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh với lãi suất là 3,55%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HOÀ PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị trái phiếu	295.787.671.234	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư	295.787.671.234	-	-	-
Bất động sản Đông Dương (*)	295.787.671.234	-	-	-

(*) Các thông tin liên quan đến trái phiếu hiện Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) đang nắm giữ:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Dương;
- Số lượng trái phiếu hiện đang sở hữu tính đến 31/12/2021: 3.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không có bảo lãnh thanh toán;
- Kỳ hạn trái phiếu: 48 tháng (04 năm);
- Lãi suất: Kỳ trả lãi đầu tiên: cố định 12%/năm; Các kỳ trả lãi tiếp theo: Lãi suất trái phiếu được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) cộng biến độ 05%/năm;
- Biện pháp đảm bảo:
 - + Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án "Khu nhà ở cao cấp Vườn Xuân La (La Vida Residences)" tại đường 3/2, P.12, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
 - + Toàn bộ cổ phần (tối thiểu 52,2 triệu cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Dương thuộc sở hữu của cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Dương;
 - + Toàn bộ cổ phần (tối thiểu 30 triệu cổ phần) của Công ty Cổ phần Dịch vụ và phát triển TTT thuộc sở hữu của cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ và phát triển TTT.
- Sau niên độ vào ngày 07/02/2022, toàn bộ số lượng trái phiếu này đã được Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt bán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) - Chi nhánh Hàng Xanh (Thông tin chi tiết xem tại Thuyết minh số 36).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào đơn vị khác	1.123.855.592	1.082.796.000	(116.592)	516.896.800
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (<i>Mã chứng khoán: DAD</i>)	-	-	-	84.930.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (<i>Mã chứng khoán: STC</i>)	-	-	-	158.400.000
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Đà Nẵng (<i>Mã chứng khoán: DAE</i>)	-	-	-	100.800.000
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Hà Nội (<i>Mã chứng khoán: EBS</i>)	192.592	76.000	(116.592)	2.186.800
- Công ty cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai (<i>Mã chứng khoán: DGT</i>)	1.033.663.000	1.082.720.000	-	117.920.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An (<i>Mã chứng khoán: DHH</i>)	-	-	-	12.330.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (<i>Mã chứng khoán: EID</i>)	-	-	-	40.330.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ngãi (*)	60.000.000	-	-	60.000.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung (*)	30.000.000	-	-	30.000.000
Tổng cộng	1.123.855.592	1.082.796.000	(116.592)	685.372.905
				516.896.800
				(78.476.105)
				(32.623.675)
				(29.176.022)
				(5.791.520)
				(5.228.000)
				-
				-
				(5.656.888)
				-
				-
				(78.476.105)

Giá trị hợp lý là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2021 của các cổ phiếu được niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn giao dịch UPCoM.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	161.553.176	-	396.086.066	-
- Công ty TNHH Xây dựng Tây Sơn Long Hải	19.286.666.666	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	363.101.362	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	-	-	270.823.403	(99.176.443)
	<u>19.811.321.204</u>	<u>-</u>	<u>666.909.469</u>	<u>(99.176.443)</u>
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	<u>524.654.538</u>	<u>-</u>	<u>396.086.066</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ông Hồ Quang Tâm ⁽¹⁾	230.000.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát ⁽²⁾	77.533.281.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	2.241.110.867	-	-	-
- Công ty TNHH Nghĩa Phan	1.964.490.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	4.054.494.179	-	107.500.000	-
	<u>315.793.376.646</u>	<u>-</u>	<u>107.500.000</u>	<u>-</u>
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
	<u>230.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)

(1) Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 508/2021/BBH-ĐHĐCĐ/HVD ngày 05/08/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 508/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVD ngày 05/08/2021, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị thông qua phương án nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tương đương với 100% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ từ Ông Hồ Quang Tâm. Đây là số tiền Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là Công ty con của Công ty) đã chuyển cho ông Hồ Quang Tâm theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần có điều kiện số 0508/HDCN/TAM-HVD ngày 05/08/2021 giữa ông Hồ Quang Tâm và Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer.

(2) Đây là khoản Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) trả trước cho Công ty TNHH Xây dựng Hưng Phát theo các Hợp đồng thi công xây dựng để thực hiện các công việc lắp đặt xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, thi công xây dựng các công trình tại Dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt. Tại thời điểm 31/12/2021, các hợp đồng này vẫn đang trong giai đoạn thực hiện.

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuân Thiên (1)	12.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Ông Hồ Quang Tâm (2)	310.000.000.000	-	-	-
	322.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
	310.000.000.000	-	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay vốn số 09/2019/HĐVV ngày 25/12/2019, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 13.105.000.000 VND;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: không xác định kỳ hạn, thời gian trả nợ gốc: trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên vay nhận được văn bản yêu cầu trả gốc của Bên cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 12.600.000.000 VND;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

(2) Đây là khoản phải thu về cho vay tại Công ty con của Tập đoàn. Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 0108/2021/BBH-ĐHĐCĐ/HVD ngày 01/08/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0108/2021/NQ-ĐHĐCĐ/HVD ngày 01/08/2021 của Công ty con, Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị thông qua việc cho Ông Hồ Quang Tâm vay tiền theo Hợp đồng vay vốn số 0508/2021/HĐVV/HVD-HQT ngày 05/08/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 310.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: sử dụng cho hoạt động kinh doanh của Bên vay;
- + Thời hạn của hợp đồng: 06 tháng kể từ ngày các bên hoàn tất việc giao nhận số tiền cho vay;
- + Lãi suất cho vay: 20%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 310.000.000.000 VND
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hóa	1.000.000	-	1.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.472.932.606	-	-	-
- Phải thu về lãi đầu tư trái phiếu	10.954.520.548	-	-	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	1.192.149	-
- Tạm ứng	5.789.245.642	-	15.267.424	-
- Ký cược, ký quỹ	54.400.000	-	-	-
- Các khoản chi hộ	2.244.908.500	-	-	-
- Phải thu khác	493.200.788	-	3.455.278	-
	22.010.208.084	-	20.914.851	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000.000	-	-	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh (*)	530.000.000.000	-	-	-
	535.000.000.000	-	-	-

(*) Đây là khoản phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bách Khoa Việt theo Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông tại biên bản họp số 25.08-BBĐHĐCĐ/DV ngày 25/08/2020 và Nghị quyết số 25.08/2020/NQĐHĐCĐ-DV ngày 25/08/2020. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) hợp tác để thực hiện Dự án Nhà máy pha chế xăng nhiên liệu sinh học E5 với quy mô 12-15 triệu lít/năm và kho chứa xăng dầu với sức chứa 155.000 m³ tại Khu công nghiệp hậu cần Cảng Tam Hiệp thuộc địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam với tỷ lệ đầu tư không vượt quá 45% tổng mức đầu tư của dự án. Thông tin dự án được hợp tác:

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.500 tỷ VND;
- Hợp đồng hợp tác đầu tư số 2508/2020/HĐHTT/DV-BKV ngày 25/08/2020;
- Trong giá trị đầu tư theo số sách 530 tỷ VND của công ty tại ngày 31/12/2021 bao gồm 385 tỷ VND là nhận ủy thác đầu tư hộ bên có liên quan (Thông tin tại *Thuyết minh số 19*);
- Phương thức phân chia lợi nhuận: Phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ góp vốn sau khi dự án nghiệm thu đi vào hoạt động;
- Tiến độ: Dự án hợp tác đang trong giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần In và Sản xuất Bao bì Huế	-	-	44.273.200	13.281.960
- Nhà sách Bảo Ngọc	-	-	19.036.749	-
- Công ty Cổ phần Thông tin Kinh tế - Văn hóa Á Việt	-	-	13.500.000	-
- Các khoản khác	-	-	35.648.454	-
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>112.458.403</u>	<u>13.281.960</u>

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	378.713.287	(84.440.810)	401.235.421	(52.051.657)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	740.859.148	-	743.330.769	-
Hàng hoá	88.698.894	(79.829.006)	88.698.894	(17.739.779)
	<u>1.208.271.329</u>	<u>(164.269.816)</u>	<u>1.233.265.084</u>	<u>(69.791.436)</u>

12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án kinh doanh Bất động sản tại Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt (*)	3.063.496.216.712	3.063.496.216.712	-	-
	<u>3.063.496.216.712</u>	<u>3.063.496.216.712</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Đây là dự án kinh doanh Bất động sản tại khu hợp phần I thuộc dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt do Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) làm chủ đầu tư có tổng diện tích 256.296 m², trong đó diện tích đất ở kinh doanh là 128.860,63 m². Tại ngày 31/12/2021, dự án đang trong giai đoạn triển khai thực hiện thi công xây dựng san lấp mặt bằng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng (Thông tin tổng thể dự án xem thêm tại Thuyết minh số 12b).

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án Khu thương mại, dịch vụ thuộc Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt (*)	617.618.542.846	-
	<u>617.618.542.846</u>	<u>-</u>

(*) Đây là dự án Khu thương mại, dịch vụ thuộc du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt thuộc phân khu hợp phần II với tổng diện tích 463.888,3 m² trong đó diện tích cho khu công trình thương mại dịch vụ và công trình du lịch là 208.050,58 m².

Thông tin tổng thể về dự án như sau:

Theo các văn bản của UBND Tỉnh Bình Thuận về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt. Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) đã Quyết nghị về việc phê duyệt Tổng mức đầu tư của dự án theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 0617/BBH-HĐQT ngày 29/12/2017 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0617/NQ-HĐQT ngày 29/12/2017, Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt với các thông tin chi tiết như sau:

- Tên dự án đầu tư: Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt;
- Mục tiêu dự án: Kinh doanh dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, biệt thự nghỉ dưỡng và căn hộ du lịch biển gắn với quyền sử dụng đất lâu dài;
- Quy mô dự án: khu nghỉ dưỡng cao cấp, khu biệt thự, căn hộ, nhà vườn, khu khách sạn 4 - 5 sao ven sông, khu giải trí đa chức năng, trung tâm mua sắm, nhà hàng, tiệm bánh, khu tổ chức sự kiện và hội thảo quốc tế, câu lạc bộ thủy thủ, nhà thuyền, trạm bảo hành du thuyền, cây xanh cảnh quan, hồ sinh thái, bãi đậu xe, đường nội bộ và các công trình phụ trợ;
- Địa điểm: xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
- Diện tích đất sử dụng: 720.184,3 m²;
- Tổng vốn đầu tư: 2.000.000.000.000 VND;
- Nguồn vốn đầu tư: đầu tư từ nguồn vốn góp của chủ sở hữu và vốn từ phát hành trái phiếu;
- Thời gian hoạt động của dự án:
 - + Đối với kinh doanh khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, khu khách sạn 4 - 5 sao ven sông, khu giải trí đa chức năng, trung tâm mua sắm, nhà hàng, tiệm bánh, khu tổ chức sự kiện và hội thảo quốc tế, câu lạc bộ thủy thủ, nhà thuyền: 50 năm, kể từ ngày 15/01/2018;
 - + Đối với đầu tư xây dựng biệt thự nghỉ dưỡng và căn hộ du lịch biển gắn với quyền sử dụng đất lâu dài: Thời gian thực hiện dự án theo quy định của Luật Đất đai 2013.
- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:
 - + Quý IV/2018: Hoàn thành các thủ tục đầu tư và khởi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật (san lấp mặt bằng, đường giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống xử lý nước thải...);
 - + Quý II/2019: Xây dựng các hạng mục căn hộ, biệt thự, văn phòng quản lý, khu khách sạn, nhà hàng và các công trình phụ trợ;
 - + Quý III/2021: Hoàn thành đi vào hoạt động toàn bộ dự án.
- Tình trạng của dự án đến thời điểm 31/12/2021: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) đang trong giai đoạn triển khai thực hiện thi công xây dựng san lấp mặt bằng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng. Hình thức quản lý dự án là thuê Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt) làm quản lý dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	5.704.591.937	18.709.830.222		759.706.494		-			25.174.128.653	
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-		4.927.450.000		-			4.927.450.000	
- Mua trong năm	-	109.954.909		-		32.960.000			142.914.909	
- Phân loại lại	-	-		-		50.000.000			50.000.000	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-		(617.563.636)		-			(617.563.636)	
Số dư cuối năm	5.704.591.937	18.819.785.131		5.069.592.858		82.960.000			29.676.929.926	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	5.615.130.484	17.565.096.037		512.681.039		-			23.692.907.580	
- Khấu hao trong năm	17.095.665	153.408.396		644.750.886		7.746.671			823.001.618	
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-		8.554.601		-			8.554.601	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-		(399.357.819)		-			(399.357.819)	
Số dư cuối năm	5.632.226.149	17.718.504.453		766.628.707		7.746.671			24.125.105.980	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	89.461.453	1.144.734.165		247.025.455		-			1.481.221.073	
Tại ngày cuối năm	72.365.788	1.101.280.678		4.302.964.151		75.213.329			5.551.823.946	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.302.964.151 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 21.927.410.471 đồng.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	609.140.000	-	609.140.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	126.900.000	126.900.000
Số dư cuối năm	609.140.000	126.900.000	736.040.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	25.380.000	25.380.000
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	44.415.000	44.415.000
Số dư cuối năm	-	69.795.000	69.795.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	609.140.000	-	609.140.000
Tại ngày cuối năm	609.140.000	57.105.000	666.245.000

(*) Đây là Quyền sử dụng đất tại địa chỉ 157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng, với diện tích là 3.242,5 m², thời gian sử dụng: lâu dài. Công ty đang thực hiện các thủ tục đề nghị UBND Thành phố Đà Nẵng, Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp nhật quyền sử dụng đất từ Chi nhánh Nhà XBGD tại Đà Nẵng (tiền thân của Công ty) thành tên Công ty hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới theo tên Công ty.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	110.998.802	146.174.181
Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.321.566	21.300.973
Chi phí mua bảo hiểm	8.050.892	17.653.330
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	23.097.802	5.838.712
	166.469.062	190.967.196
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tài sản	1.159.647.124	118.884.356
Công cụ dụng cụ xuất dùng	846.202.894	-
Chi phí phần mềm	31.033.328	-
Chi phí môi giới	10.848.390.427	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	232.866.664	-
	13.118.140.437	118.884.356

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Bà Ngô Võ Thanh Hằng	18.514.140.000	18.514.140.000	-	-
- Ông Võ Văn Đài	16.768.710.000	16.768.710.000	-	-
- Công ty TNHH Thiết kế Và Xây dựng Đất Việt	1.951.599.354	1.951.599.354	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư G7 Real Estate	1.574.068.825	1.574.068.825	-	-
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đình Việt	3.194.984.339	3.194.984.339	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ Công nghiệp Thành Thái Việt Nam	105.600.000	105.600.000	81.400.000	81.400.000
- Công ty TNHH Cơ khí Hoàng Hà	-	-	86.074.924	86.074.924
- Phải trả các đối tượng khác	8.580.001.730	8.580.001.730	282.701.140	282.701.140
	50.689.104.248	50.689.104.248	450.176.064	450.176.064
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)	1.260.000	1.260.000	1.260.000	1.260.000

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Điều chỉnh do hợp nhất công ty con	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	18.397.596	-	2.114.058.200	357.509.854	-	1.774.945.942		
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	40.058.015	-	369.306.338	2.561.317.485	390.346.946	72.725.916	2.572.944.778		
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.974.381	1.383.340.551	1.320.051.128	1.401.721.325	-	1.308.644.735		
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	1.799.000	1.799.000	-	-		
Các loại thuế khác	-	1.000.000	3.000.000	1.170.332.040	1.089.990.202	-	84.341.838		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	2.327.137	2.327.137	-	-		
	40.058.015	26.371.977	1.755.646.889	7.169.884.990	3.243.694.464	72.725.916	5.740.877.293		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay trái phiếu	88.389.830.126	-
- Chi phí phải trả khác	283.777.771	-
	88.673.607.897	-

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	3.138.902	3.138.902
- Kinh phí công đoàn	110.819.563	38.592.851
- Bảo hiểm xã hội	695.455.625	-
- Bảo hiểm y tế	38.355.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	127.174.500	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.400.000.000	-
- Phải trả về tiền khách hàng đặt cọc giữ chỗ của dự án Venezia Beach	138.534.265.715	-
- Phải trả về mượn vốn hoạt động	57.346.561.893	-
- Phải trả về nhận chuyển nhượng cổ phần	520.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.848.162	42.107.991
	<u><u>201.793.619.360</u></u>	<u><u>83.839.744</u></u>
b) Dài hạn		
- Phải trả về nhận ủy thác đầu tư hộ (*)	385.000.000.000	-
	<u><u>385.000.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	<u><u>437.707.817.893</u></u>	<u><u>-</u></u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)</i>		

(*) Đây là khoản phải trả cho bên có liên quan là Ông Lại Minh Hậu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) do nhận ủy thác đầu tư hộ để hợp tác đầu tư dự án Nhà máy pha chế xăng nhiên liệu sinh học E5 với quy mô 12-15 triệu lít/năm và kho chứa xăng đầu với sức chứa 155.000 m³ tại Khu công nghiệp hậu cần Cảng Tam Hiệp thuộc địa bàn Khu kinh tế mở Chu Lai tỉnh Quảng Nam (Thông tin chi tiết Hợp đồng hợp tác đầu tư tại Thuyết minh số 9).

Số 39 - C
ĐA
NĂNG

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Số có khả năng trả nợ	
						VND	VND
a) Vay ngắn hạn							
- Vay ngắn hạn	-	-	20.000.000.000	21.500.000.000	-	-	-
- Vay cá nhân	-	-	1.500.000.000	21.500.000.000	-	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	950.000.000	-	950.000.000	950.000.000	950.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh ⁽¹⁾	-	-	950.000.000	-	-	-	950.000.000
	-	-	1.500.000.000	21.500.000.000	950.000.000	950.000.000	950.000.000
b) Vay dài hạn							
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh ⁽¹⁾	-	-	3.800.000.000	712.500.000	3.087.500.000	3.087.500.000	3.087.500.000
- Trái phiếu thường	-	-	1.417.225.000.000	(22.961.486.348)	2.037.484.628.814	2.037.484.628.814	2.037.484.628.814
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt phát hành ⁽²⁾	-	-	1.417.225.000.000	(22.575.000.000)	1.439.800.000.000	1.439.800.000.000	1.439.800.000.000
+ Mệnh giá trái phiếu	-	-	1.500.000.000.000	-	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
+ Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	(82.775.000.000)	(22.575.000.000)	(60.200.000.000)	(60.200.000.000)	(60.200.000.000)
- Trái phiếu của Công ty Cổ phần Hưng Vương Developer phát hành ⁽³⁾	-	-	597.298.142.466	(386.486.348)	597.684.628.814	597.684.628.814	597.684.628.814
+ Mệnh giá trái phiếu	-	-	600.000.000.000	-	600.000.000.000	600.000.000.000	600.000.000.000
+ Chi phí phát hành trái phiếu	-	-	(2.701.857.534)	(386.486.348)	(2.315.371.186)	(2.315.371.186)	(2.315.371.186)
	-	-	601.098.142.466	(22.248.986.348)	2.040.572.128.814	2.040.572.128.814	2.040.572.128.814
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(950.000.000)	-	(950.000.000)	(950.000.000)	(950.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	2.039.622.128.814	2.039.622.128.814	2.039.622.128.814



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty):

- (1) Hợp đồng tín dụng số 2145/21/MN/HĐTD ngày 26/01/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 3.800.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô Mercedes - Benz S450 L Luxury theo hợp đồng mua bán xe ký ngày 23/12/2020 giữa bên vay và bên bán là Công ty TNHH Ô tô Ngôi Sao Việt Nam;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng (04 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày HDBank giải ngân vốn vay lần đầu;
 - + Lãi suất cho vay: Thay đổi theo từng lần giải ngân, quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 3.087.500.000 VND, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong 12 tháng tới là 950.000.000 VND;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản thế chấp là xe ô tô con Mercedes - Benz S450, BKS: 51H-488.36.

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường phát sinh tại Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty):

- (2) Công ty phát hành trái phiếu theo Hợp đồng mua trái phiếu số 25383/HĐMBTP.HDB-DV ngày 21/08/2020, với các điều khoản chi tiết sau:
- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt;
 - Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo và không có bảo lãnh thanh toán;
 - Số lượng trái phiếu phát hành: 15.000 trái phiếu;
 - Mệnh giá: 100.000.000 VND/trái phiếu;
 - Tổng giá trị phát hành: 1.500.000.000.000 VND;
 - Kỳ hạn trái phiếu: 48 tháng (04 năm);
 - Mục đích phát hành: Bổ sung vốn thực hiện Dự án "Khu du lịch biển cao cấp Lạc Việt" tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận;
 - Lãi suất trái phiếu: *(lãi trái phiếu được trả định kỳ mỗi 06 tháng/lần)*
 - + Kỳ trả lãi đầu tiên: cố định 12%/năm;
 - + Các kỳ trả lãi tiếp theo: Lãi suất trái phiếu được xác định bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) cộng biên độ 5%/năm.
 - Nhà đầu tư: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã mua toàn bộ số lượng trái phiếu do Công ty phát hành;
 - Biện pháp bảo đảm: cam kết bảo lãnh của 03 cổ đông góp 100% vốn của Tổ chức phát hành (Ông/bà: Lại Minh Hậu, Ngô Võ Thanh Hằng, Võ Văn Đài) đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Tổ chức phát hành tại HDBank.
 - Tài sản bảo đảm:
 - + Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại Dự án "Khu du lịch sinh thái biển cao cấp Lạc Việt" tại xã Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt;
 - + Toàn bộ cổ phần (Tối thiểu 105,3 triệu CP) của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt;
 - + Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của tổ chức phát hành và/hoặc Bên thứ ba.
 - Giá trị trái phiếu tại thời điểm cuối năm là 1.439.800.000.000 VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường phát sinh tại Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer (là Công ty con của Công ty):

(3) Công ty phát hành trái phiếu cho các nhà đầu tư với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer;
- Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền, có thể chuyển nhượng và có đảm bảo bằng tài sản;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 6.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Tổng giá trị phát hành: 600.000.000.000 VND;
- Kỳ hạn trái phiếu: 18 tháng;
- Mục đích phát hành: Công ty dùng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu để thực hiện nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tương ứng với 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ - Chủ đầu tư dự án Sản xuất kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và khu du lịch nghỉ dưỡng tại xã Tân Thăng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận (dự án Hodota);
- Lãi suất trái phiếu: 12%/năm, định kỳ trả lãi 06 tháng/lần;
- Nhà đầu tư: các nhà đầu tư cá nhân đã mua toàn bộ số lượng trái phiếu do Công ty phát hành;
- Tài sản bảo đảm: Bảo đảm bằng 261.033 cổ phần tương ứng 100% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ và 42 Quyền sử dụng đất đối với khu đất có diện tích 157.073 m² đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Cổ Kim Mỹ Nghệ;
- Giá trị trái phiếu tại thời điểm cuối năm là 597.684.628.814 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA HÒA PHÁT

157 Tôn Đức Thắng, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu năm trước	18.049.800.000	(60.093.500)	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	625.978.112	-	19.615.678.859	-	19.615.678.859
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	164.557.714	-	164.557.714	-	164.557.714
Số dư cuối năm trước	18.049.800.000	(60.093.500)	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	790.535.826	-	19.780.236.573	-	19.780.236.573
Số dư đầu năm nay	18.049.800.000	(60.093.500)	(60.093.500)	(914.353.746)	1.914.347.993	790.535.826	-	19.780.236.573	-	19.780.236.573
Tăng vốn trong năm nay ⁽¹⁾	900.000.000.000	(64.135.374)	(64.135.374)	-	-	-	-	899.935.864.626	-	899.935.864.626
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	55.694.505.328	-	55.675.197.113	(19.308.215)	55.675.197.113
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	1.357.077.771.319	1.357.077.771.319	1.357.077.771.319
Tái phát hành cổ phiếu quỹ ⁽²⁾	-	1.810.556.254	1.810.556.254	914.553.746	-	-	-	-	-	2.724.910.000
Số dư cuối năm nay	918.049.800.000	1.686.327.380	1.686.327.380	-	1.914.347.993	56.485.041.154	1.357.058.463.104	2.335.193.979.631	1.357.058.463.104	2.335.193.979.631

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Nguyễn Thị Kim Hiếu	27,23%	250.000.000.000	0,00%	-
- Võ Mỹ Tiên	27,23%	250.000.000.000	0,00%	-
- Mai Lê Hồng Sương	24,40%	224.000.000.000	0,00%	-
- Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	0,42%	3.816.000.000	21,14%	3.816.000.000
- Công ty TNHH Đà Nẵng HQ Investment	0,00%	-	17,45%	3.150.000.000
- Các cổ đông khác	20,72%	190.233.800.000	52,58%	9.489.800.000
- Cổ phiếu quỹ	0,00%	-	8,83%	1.594.000.000
	100%	918.049.800.000	100%	18.049.800.000

(1) Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty số 02/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2020 đã quyết nghị thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ với việc chào bán số lượng 90.000.000 cổ phiếu cho các nhà đầu tư dự kiến theo danh sách để tăng vốn điều lệ, và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0211/2020/NQ-HĐQT ngày 02/11/2020, Nghị quyết số 1012/2020/NQ-HĐQT ngày 10/12/2020 và Nghị quyết số 0501/2021/NQ-HĐQT ngày 05/01/2021. Công ty đã phát hành thành công số lượng 90.000.000 Cổ phiếu cho 07 cổ đông, thông tin chi tiết:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu thực tế phát hành: 90.000.000 cổ phiếu;
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 900 tỷ VND;
- Danh sách 07 nhà đầu tư:
 - + *Trịnh Ngọc Khánh mua 4.400.000 cổ phiếu;*
 - + *Hồng Bảo Ngân mua 4.400.000 cổ phiếu;*
 - + *Trương Hiền Vũ mua 4.400.000 cổ phiếu;*
 - + *Nguyễn Thu Thảo mua 4.400.000 cổ phiếu;*
 - + *Mai Lê Hồng Sương mua 22.400.000 cổ phiếu;*
 - + *Võ Mỹ Tiên mua 25.000.000 cổ phiếu;*
 - + *Nguyễn Thị Kim Hiếu mua 25.000.000 cổ phiếu.*
- Mục đích sử dụng vốn: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đã được dùng để mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Hưng Vượng Developer.

(2) Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 0402/2021/NQ-HĐQT ngày 04/02/2021 đã quyết nghị thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty và Báo cáo Kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ số 01/BCKQ/CPQ-HTP ngày 24/03/2021, kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ của Công ty như sau:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng đã thực hiện: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi thực hiện giao dịch: 159.400 cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 0 cổ phiếu;
- Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Giá giao dịch bình quân: 17.095 đồng/cổ phiếu;
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 25/02/2021 đến ngày 19/03/2021;
- Phương thức giao dịch: Giao dịch khớp lệnh và/hoặc thỏa thuận.

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	
	VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		918.049.800.000
- Vốn góp đầu năm		18.049.800.000
- Vốn góp tăng trong năm		900.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		-
- Vốn góp cuối năm		918.049.800.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	91.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	159.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	159.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	91.804.980	1.645.580
- Cổ phiếu phổ thông	91.804.980	1.645.580

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.914.347.993	1.914.347.993
	<u>1.914.347.993</u>	<u>1.914.347.993</u>

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	5.436.668.014	7.544.462.735
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.561.526.223	-
Doanh thu khác	821.639.430	420.919.836
	<u>23.819.833.667</u>	<u>7.965.382.571</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 39)	<u>5.974.048.222</u>	<u>7.213.818.171</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	5.622.745.923	6.900.309.460
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.821.601.426	-
Giá vốn của hoạt động khác	131.759.711	136.732.347
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	94.478.380	69.791.436
	<u>7.670.585.440</u>	<u>7.106.833.243</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	<u>32.276.367</u>	<u>965.550.509</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	18.965.298.049	1.063.012.761
Lãi bán các khoản đầu tư	442.458.310	25.850.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	65.846.400	47.336.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	94	-
	19.473.602.853	1.136.198.761
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	26.246.400	30.084.000

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay, lãi trái phiếu	27.612.473.390	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	264.540.623	2.438.102
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(78.359.513)	29.218.541
	27.798.654.500	31.656.643

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	19.668.182	19.108.182
	19.668.182	19.108.182

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	95.337.959	52.485.874
Chi phí nhân công	3.674.036.973	1.277.301.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.721.419	61.756.363
Thuế, phí, lệ phí	16.000.000	11.636.842
Chi phí dự phòng	13.281.960	15.111.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	752.686.122	57.928.099
Chi phí khác bằng tiền	1.348.560.927	309.101.162
	6.572.625.360	1.785.320.846

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	54.521.456	-
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	55.952.599.995	-
Thu nhập từ xử lý công nợ	182.658.684	52.224.294
Thu nhập khác	136.734.342	-
	56.326.514.477	52.224.294

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	126.290.060	3.653.814
Chi phí khác	5.467.123	10.007.283
	131.757.183	13.661.097

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	32.667.901
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	2.561.317.485	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.561.317.485	32.667.901

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	809.854.266	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	809.854.266	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua	330.092.314.727	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	330.092.314.727	-

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(809.854.266)	-
	(809.854.266)	-

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	55.694.505.328	164.557.714
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	55.694.505.328	164.557.714
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.788.299	1.645.580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	613	100

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

33 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	55.694.505.328	164.557.714
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	55.694.505.328	164.557.714
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	90.788.299	1.645.580
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	90.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	613	2

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	89.467.050.819	-	3.158.680.390	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	576.821.529.288	-	687.824.320	(99.176.443)
Các khoản cho vay	322.600.000.000	-	12.605.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.033.855.592	(116.592)	595.372.905	(78.476.105)
	989.922.435.699	(116.592)	17.046.877.615	(177.652.548)

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	2.040.572.128.814	-
Phải trả người bán, phải trả khác	637.482.723.608	534.015.808
Chi phí phải trả	88.673.607.897	-
	2.766.728.460.319	534.015.808

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	1.033.739.000	-	1.033.739.000
	-	1.033.739.000	-	1.033.739.000
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	516.896.800	-	516.896.800
	-	516.896.800	-	516.896.800

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản trương đương tiền	89.467.050.819	-	-	89.467.050.819
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.821.529.288	535.000.000.000	-	576.821.529.288
Các khoản cho vay	322.600.000.000	-	-	322.600.000.000
	<u>453.888.580.107</u>	<u>535.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>988.888.580.107</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản trương đương tiền	3.158.680.390	-	-	3.158.680.390
Phải thu khách hàng, phải thu khác	588.647.877	-	-	588.647.877
Các khoản cho vay	12.605.000.000	-	-	12.605.000.000
	<u>16.352.328.267</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>16.352.328.267</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	950.000.000	2.039.622.128.814	-	2.040.572.128.814
Phải trả người bán, phải trả khác	252.482.723.608	385.000.000.000	-	637.482.723.608
Chi phí phải trả	88.673.607.897	-	-	88.673.607.897
	<u>342.106.331.505</u>	<u>2.424.622.128.814</u>	<u>-</u>	<u>2.766.728.460.319</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	534.015.808	-	-	534.015.808
	<u>534.015.808</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>534.015.808</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	621.098.142.466	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	22.212.500.000	-

39 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 22/12/2021, Đại hội cổ đông Bất thường đã quyết nghị thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, thông qua phương án chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Thông tin chi tiết về các phương án này đã được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán. Đến thời điểm này Công ty đang trong quá trình làm thủ tục trình Ủy ban chứng khoán, sau khi có văn bản chấp thuận từ Ủy ban chứng khoán sẽ thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật.

38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào thời điểm sau niên độ, cụ thể tại ngày 07/02/2022, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt (là Công ty con của Công ty) đã bán thành công toàn bộ 3.000 trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Dương phát hành mà Công ty đang sở hữu cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) - Chi nhánh Hàng Xanh theo hợp đồng mua trái phiếu số 070222/HĐMBTP.HDB-DANHVIET ngày 07/02/2022 với tổng giá trị bán là 297.572.478.590 đồng.

Ngoài sự kiện bán trái phiếu được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Chung chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung chủ đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Đơn vị trực thuộc chủ đầu tư
Ông Lại Minh Hậu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty con
Ông Hồ Quang Tâm	Nhân viên của Công ty con

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.974.048.222	7.213.818.171
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	3.098.402.567	2.006.697.445
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	415.944.001	218.347.597
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	2.256.156.654	3.585.675.393
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	203.545.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	1.403.097.736
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ	32.276.367	965.550.509
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	9.503.640	3.030.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	22.772.727	16.200.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	838.390.950
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	88.692.059
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	19.237.500

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp theo):

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Nhận cổ tức	26.246.400	30.084.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	7.500.000	8.550.000
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	9.800.000	12.800.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	6.300.000	3.000.000
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	246.400	924.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	2.400.000	4.810.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	524.654.538	396.086.066
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	363.101.362	-
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	161.553.176	396.086.066
Trả trước cho người bán ngắn hạn	230.000.000.000	-
- Ông Hồ Quang Tâm	230.000.000.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	310.000.000.000	-
- Ông Hồ Quang Tâm	310.000.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn	1.260.000	1.260.000
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	1.260.000	1.260.000
Phải trả khác	437.707.817.893	-
Ông Lại Minh Hậu	437.707.817.893	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập của các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
- Ông Lê Quốc Kỳ Quang - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 22/12/2021)	11.700.000	-
- Bà Phạm Thị Thu Hương - Thành viên	9.360.000	-
- Ông Vương Quang Hưng - Thành viên	9.360.000	-
- Ông Trần Công Vinh - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27/04/2021)	9.360.000	-
- Ông Phạm Duy - Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 23/12/2021)	104.360.000	272.726.500

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam kiểm toán. Do đó số liệu này không so sánh được với số liệu của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2021.

Mai Thị Thúy Kiều
Người lập

Đỗ Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Phạm Văn Huy
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

